**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

1. **Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

Bậc Tiểu học, môn Toán có vai trò vô cùng quan trọng, giúp học sinh nhận biết được số lượng và hình dạng không gian của thế giới hiện thực, nhờ đó mà học sinh có những phương pháp, kĩ năng nhận thức một số mặt của thế giới xung quanh. Nó góp phần rèn luyện phương pháp suy luận, suy nghĩ đặt vấn đề và giải quyết vấn đề; góp phần phát triển óc thông minh, suy nghĩ độc lập, linh động, sáng tạo cho học sinh. Mặt khác, các kiến thức, kĩ năng môn toán ở Tiểu học còn có nhiều ứng dụng trong đời sống thực tế.

Là một giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các khối lớp, tôi thấy: dạng Toán tìm thành phần chưa biết của phép tính cộng, trừ, nhân, chia có vị trí rất quan trọng trong chương trình Toán ở trường Tiểu học. Các em được làm quen với dạng Toán này ngay từ đầu học kì 1 ở lớp 2. Có thể nói, đây quả thực là một khó khăn đối với học sinh khi học giải toán có lời văn. Vì vậy đây cũng là một vấn đề mà chúng tôi luôn luôn trao đổi, thảo luận trong những buổi sinh hoạt chuyên môn, tích luỹ nghiệp vụ do nhà trường tổ chức. Làm thế nào để học sinh hiểu được đề toán, viết được tóm tắt, nêu được câu lời giải hay, phép tính đúng. Điều đó đòi hỏi rất nhiều công sức và sự nỗ lực không biết mệt mỏi của người giáo viên trực tiếp giảng dạy.

Là một giáo viên đã trực tiếp giảng dạy ở khối lớp 2, qua học hỏi, trao đổi kinh nghiệm cùng đồng nghiệp, tôi đã rút ra được: “***Biện pháp dạy tìm thành phần chưa biết của phép tính”*** môn Toán lớp 2. Để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường nói chung và đối với học sinh lớp 2 nói riêng.

1. **Cơ sở lý luận của vấn đề**

2.1. Cơ sở lý luận:

Toán học là một bộ môn khoa học cơ bản có tính trừu tượng và khái quát cao. Môn Toán giúp người học hình thành óc tưởng tượng, năng lực tư duy suy luận chính xác, đồng thời góp phần giáo dục cho các em những phẩm chất đáng quý trong cuộc sống như tính kỉ luật, tính chính xác, biết cảm nhận những cái đẹp trong những ứng dụng phong phú của Toán học.

Theo phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học của Đại học Sư phạm thì hạt nhân của Toán là số học, sự sắp xếp nội dung trong mối quan hệ gắn bó hỗ trợ nhau với hạt nhân số học không làm mất đi hoặc mờ nhạt đi nét đặc trưng của từng nội dung. Ở lớp 2 ngoài việc yêu cầu về kiến thức kĩ năng, học sinh phải biết tên gọi và kết quả của phép tính theo phạm vi đã được giới hạn. Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học là sự vận dụng các phương pháp dạy học Toán (nói chung) cho phù hợp với mục tiêu, nội dung và các điều kiện dạy học ở Tiểu học (học sinh và thiết bị).

Bên cạnh đó Toán học cũng có khả năng to lớn trong giáo dục học sinh về nhiều mặt: phát triển tư duy logic, bồi dưỡng năng lực trí tuệ, nó còn giúp học sinh phương pháp suy nghĩ làm việc góp phần giáo dục những phẩm chất, đức tính tốt đẹp của người lao động và có một hệ thống kiến thức cơ bản cùng những phương thức rất cần thiết cho đời sống lao động và sinh hoạt. Kĩ năng Toán học là những công cụ cần thiết để học các môn khác và ứng dụng trong thực tiễn.

2.2. Cơ sở thực tiễn:

Qua thực tế giảng dạy tôi thấy có nhiều học sinh còn sợ học môn Toán vì cảm thấy nội dung môn học còn khô khan, khó học. Các em chưa ý thức được ý nghĩa về lý thuyết và ý nghĩa về thực tế của môn Toán.

Đối với nội dung dạy học môn Toán ở Tiểu học nói chung, dạy nội dung *“Tìm thành phần chưa biết của phép tính”* nói riêng luôn là sự quan tâm của cấp học đặc biệt là khối lớp 2. Nội dung này ở lớp 2 là kiến thức ban đầu và phát triển thành hệ thống kiến thức từ lớp 2 lên các lớp trên. Yếu tố này tương ứng với mỗi vòng số là các phép tính. Chương trình Toán 2 có 175 tiết: nội dung toán *“Tìm thành phần chưa biết”* ở lớp 2 bắt đầu từ tiết 43 của học kì 1, đó chính là dạng toán Tìm một số hạng trong một tổng. Đến tiết 54 của học kì 1 là bài Tìm số bị trừ (thành phần trong phép trừ). Đến tiết 70 học sinh tiếp tục được học cách tìm số trừ (thành phần trong phép trừ). Đến tiết 115 của học kì 2 học sinh tiếp tục được học cách tìm một thừa số của phép nhân (thành phần trong phép nhân). Đến tiết 127 của học kì 2 học sinh tiếp tục được học cách tìm số bị chia (thành phần trong phép chia). Từ tiết 154 trở đi trong các tiết toán (5 tiết/ 1 tuần) các bài tập có nội dung tìm thành phần chưa biết trong phép tính đan xen vào nội dung của từng tiết học. Kiến thức của các bài tập được sắp xếp từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Chương trình được sắp xếp như vậy để phù hợp với đặc điểm quá trình nhận thức của học sinh: từ cụ thể đến tư duy, trừu tượng, thành kĩ năng, kĩ xảo. Vì vậy, phương pháp dạy học luôn được cải tiến, đổi mới để phù hợp với lượng kiến thức theo từng phần.

Trong quá trình giảng dạy dạng Toán *“Tìm thành phần chưa biết của phép tính”* ở lớp 2, thông qua việc dạy, kiểm tra, chữa bài tập và chấm bài, nhất là gọi học sinh lên bảng chữa bài, tôi đã phát hiện ra những sai lầm của học sinh khi học phần toán *“Tìm thành phần chưa biết trong phép tính”* như sau:

\* Dạng toán: Tìm một số hạng trong một tổng.

\* Các lỗi giải sai của học sinh: Lấy tổng cộng với số hạng đã biết.

\* Dạng toán: Tìm số bị trừ.

Sai của học sinh: Lấy số trừ trừ đi hiệu.

\* Dạng toán: Tìm số trừ.

\* Sai của học sinh: Lấy số bị trừ cộng với hiệu….

\* Dạng toán: Tìm một thừa số của phép nhân

\* Các lỗi giải sai của học sinh: Lấy tích nhân với thừa số đã biết.

\* Dạng toán: Tìm số bị chia

Sai của học sinh: Lấy thương chia cho số chia.

Từ những bài giải sai của học sinh, tôi tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến

sai lầm đó:

- Chưa hiểu bản chất của phép tính cộng, trừ, nhân, chia.

- Chưa thuộc quy tắc để làm.

Để nâng cao chất lượng môn Toán, tôi đã nghiên cứu và áp dụng “***Biện pháp dạy tìm thành phần chưa biết của phép tính”***

**3. Thực trạng của vấn đề**

3.1. Thực trạng chung của nhà trường

3.1.1. Thuận lợi:

- Nhà trường được sự quan tâm của chính quyền địa phương, của hội phụ huynh học sinh.

- Ban giám hiệu nhà trường năng nổ nhiệt tình, sáng tạo luôn chỉ đạo sát sao việc dạy học của giáo viên và học sinh.

- Đội ngũ giáo viên trong trường luôn nhiệt tình giảng dạy, yêu nghề mến trẻ.

- Về học sinh: nhìn chung các em đều ngoan ngoãn, chăm chỉ, có ý thức vươn lên trong học tập.

- Bên cạnh những thuận lợi trên nhà trường còn gặp phải không ít khó khăn.

3.1.2. Khó khăn:

- Nhiều gia đình đi làm ăn xa gửi con cho ông bà chăm sóc do ông bà đã già yếu nên không quán xuyến được việc học hành của các cháu.

- Do tâm lý chung của học sinh Tiểu học còn ham chơi nên việc học hành của các em nếu không có sự giám sát chặt chẽ của gia đình thì khó đạt được hiệu quả cao.

- Về cơ sở vật chất của nhà trường: Tuy nhà trường đã có đủ phòng học nhưng thiết bị nhà trường còn có nhiều hạn chế.

- Về đội ngũ giáo viên: Nhà trường có đội ngũ giáo viên nhiệt tình giảng dạy song còn gặp nhiều khó khăn do trình độ giáo viên còn chưa đồng đều.

3.2. Thực trạng của lớp

- Lớp 2E do tôi chủ nhiệm và giảng dạy có 31 học sinh. Trong đó: Nam: 14 em; nữ: 17 em.

- Các em ở rải rác khắp các khu dân cư trong phường, có nhiều học sinh ở xa

trường nên việc đi lại của các em gặp rất nhiều khó khăn điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tập của các em.

- Qua thực tế giảng dạy và thảo luận cùng đồng nghiệp, tôi nhận thấy:

- Đối với giáo viên:

+ Chưa quan tâm đến việc rèn luyện thao tác trong kĩ năng tìm một thành phần chưa biết của phép tính, có khi chỉ ghi đề lên bảng nhắc nhở qua loa, học sinh tự làm bài dạng này để câu nệ thời gian. Giáo viên chỉ dùng một số câu hỏi chung chung để các em tự tìm ra cách giải.

Ví dụ như bài toán: 6 x *x* = 18 ; *x* x 4 = 24

+ Bên cạnh còn số giáo viên khối 2 - 3 chưa quan tâm nhiều đến yêu cầu học sinh phải thuộc các quy tắc tìm thành phần chưa biết của phép tính. Chưa có biện pháp cụ thể và tính trực quan trong việc tìm các thành phần nên dễ lẫn lộn trong các bài tìm số trừ và tìm số chia.

- Đối với học sinh:

+ Đa số học một cách thụ động. Chủ yếu chỉ nghe giảng ghi nhớ và làm theo mẫu. Do không hình thành được thao tác giải dạng này, không xác định được cần phải làm gì? Áp dụng cái gì? Mà cứ nhìn vào bài cứ thấy có sẵn dấu cộng thì thay thành trừ, dấu nhân thay là chia. Cho nên đã sai ở dạng bài tìm số trừ và tìm số chia cụ thể như các bài sau:

a. Ví dụ: 48 – *x* = 8

Cần giải: *x*  = 48 - 8 học sinh lại *x* = 48 + 8

*x* = 40 *x* = 56

b. 64 : y = 8 học sinh giải y = 64 x 8

y = 64 : 8 y = 512

y = 8

- Nếu ở các bài toán giải như thế không đạt kết quả.

- Khi chưa có cải tiến các em còn làm bài một cách máy móc nên thường chấp nhận với kết quả sai.

- Nếu tình trạng này kéo dài thì sẽ gây ra một tác hại lớn trong dạy và học sau này.

**4. Các biện pháp thực hiện**

4.1. Biện pháp 1: Dạy chắc kiến thức cơ bản

4.1.1. Xác định tên từng thành phần trong phép tính

Đối với những phép tính chưa được cung cấp khái niệm ở lớp 1. Do đó học sinh có thói quen làm tính nhưng chưa xác định tên thành phần phép tính. Khi dạy bài Số hạng - Tổng, Số bị trừ - Số trừ - Hiệu, một số học sinh chưa nắm được tên gọi của từng thành phần phép tính cộng, trừ. Để học sinh gọi đúng tên thành phần trong phép tính. Trong tiết dạy về thành phần của phép cộng, phép trừ, tôi cho học sinh nắm được vị trí của số hạng thứ nhất, số hạng thứ hai, tổng và vị trí của số bị trừ, số trừ, hiệu. Trong các giờ ôn tập hoặc bồi dưỡng học sinh theo kế hoạch của cá nhân, tôi cho các em nắm lại tên thành phần của phép tính như sau:

Số hạng + Số hạng = Tổng

Số bị trừ - Số trừ = Hiệu

Thừa số x Thừa số = Tích

Số bị chia : Số chia = Thương

Trước khi thực hiện bất cứ một bài tập tìm thành phần nào trong phép tính cụ thể. Học sinh phải gọi được đúng tên từng thành phần đó.

***Ví dụ 1:*** Tìm x, biết: *x* + 25 = 34

Trong biểu thức trên, em hãy nêu tên các thành phần trong phép tính:

Học sinh nêu được: *x* gọi số hạng thứ nhất (số hạng chưa biết), 25 gọi là số hạng thứ hai (số hạng đã biết), 34 gọi là tổng.

GV lưu ý HS: Số đứng trước dấu cộng luôn là số hạng thứ nhất, số đứng sau dấu cộng là số hạng thứ hai còn số cuối cùng sau dấu bằng là tổng.

***Ví dụ 2:*** Tìm x, biết: *x* - 8 = 15

Trong biểu thức trên, em hãy nêu tên các thành phần trong phép tính:

Học sinh nêu được: *x* gọi là số bị trừ, 8 gọi là số trừ, 15 gọi là hiệu.

GV lưu ý HS: Số đứng trước dấu trừ luôn là số bị trừ, số đứng sau dấu trừ là số trừ còn số cuối cùng sau dấu bằng là hiệu.

***Ví dụ 3:*** Tìm *x*, biết: *x* x 2 = 14

Trong biểu thức trên, em hãy nêu tên các thành phần trong phép tính:

Học sinh nêu được: *x* gọi thừa số thứ nhất (thừa số chưa biết), 2 gọi là số thừa số thứ hai (thừa số đã biết), 14 gọi là tích.

GV lưu ý HS: Số đứng trước dấu nhân luôn là thừa số thứ nhất, số đứng sau dấu nhân là thừa số thứ hai còn số cuối cùng sau dấu bằng là tích.

***Ví dụ 4:*** Tìm *x*, biết: *x* : 4 = 36

Trong biểu thức trên, em hãy nêu tên các thành phần trong phép tính:

Học sinh nêu được: *x* gọi là số bị chia, 4 gọi là số chia, 36 gọi là thương.

GV lưu ý HS: Số đứng trước dấu chia luôn là số bị chia, số đứng sau dấu chia là số chia còn số cuối cùng sau dấu bằng là thương.

Tôi thay số bằng chữ trong phép tính để học sinh làm quen và thuộc tên các thành phần trong phép tính.

***Ví dụ:*** a) b + 2 = 7; 15 + a = 30

b) y – 10 = 9; 25 – c = 13

c) y x 5 = 40; 5 x a = 25

d) b : 2 = 17; 63 : c = 7

Tôi cho học sinh nhận biết: Trong các phép tính trên a, b, y, c được gọi là gì? Học sinh nhận biết được tên các thành phần của phép tính.

Trong khi giảng dạy tôi cũng chú trọng đến việc xác định được thành phần; cũng như trong phép cộng, trừ cũng có bổ sung công thức tổng quát:

a + b = c, a – b = c, a x b = c, a : b = c

4.1.2. Nắm chắc quy tắc cách tìm thành phần chưa biết của phép cộng, trừ, nhân, chia

Đối với quy tắc đã được cung cấp khái niệm ở lớp 2, một số em do thói quen không quan tâm đến việc thuộc quy tắc nên các em quên các quy tắc tìm một thành phần trong phép tính. Xét đến yêu cầu giải bài tập ở lớp 2, việc thuộc quy tắc trên cũng rất cần thiết. Để học sinh thuộc quy tắc này, trong các giờ học buổi 2, tôi cho các em chép lại quy tắc một cách ngắn gọn và yêu cầu phải học thuộc.

Số hạng + Số hạng = Tổng



Tổng - Số hạng (đã biết)

Số bị trừ - Số trừ = Hiệu

 

Hiệu + Số trừ; Số bị trừ - Hiệu

Thừa số x Thừa số = Tích



Tích : Thừa số (đã biết)

Số bị chia : Số chia = Thương



Thương x Số chia

Hằng ngày trong các giờ truy bài, tôi yêu cầu Hội đồng tự quản kiểm tra quy tắc từng học sinh trong lớp. Trong các giờ học, tôi thường xuyên kiểm tra học sinh. Tôi khen thưởng, động viên kịp thời những em học tốt. Đối với những học sinh thường xuyên quên quy tắc, tôi trao đổi với phụ huynh học sinh kèm thêm các em ở nhà.

Tôi làm đồ dùng học tập bằng cách in màu quy tắc và treo ở lớp để các em thường xuyên nhìn thấy và thành thói quen, quy tắc được nhắc đi nhắc lại và in sâu trong tâm trí các em.

4.1.3. Áp dụng các quy tắc tổng quát để tính toán cụ thể

Vì Tiểu học là bậc học chưa học hết số âm, đồng thời trong phạm vi đại số thì đây mới là bậc học xây dựng cơ sở lí luận ban đầu cho các em nên tạm thời chưa được phép sử dụng giá trị đã được quy nạp.

Ví dụ: muốn tìm số hạng chưa biết. Muốn tìm số trừ chưa biết, số bị trừ chưa biết. Muốn tìm thừa số chưa biết, muốn tìm số bị chia chưa biết, số chia chưa biết.

- Giáo viên cần hỏi lại quy tắc để các em áp dụng tính toán.

- Giáo viên hỏi lại muốn tìm số hạng chưa biết ta phải làm như thế nào? (ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết).

- Đưa ra một loạt ví dụ minh họa cách giải cho học sinh.

***Ví dụ 1:*** *x* +5 = 7

GV: Muốn tìm số hạng thứ nhất ta phải làm như thế nào?

(Tìm số hạng thứ nhất, ta lấy tổng trừ đi số hạng thứ hai)

***Ví dụ 2:*** 23 + *x* = 47

GV: Muốn tìm số hạng thứ hai ta phải làm như thế nào?

(Tìm số hạng thứ hai, ta lấy tổng trừ đi số hạng thứ nhất)

***Ví dụ 3:*** *x* - 15 = 67

GV: Muốn tìm số bị trừ chưa biết ta phải làm như thế nào?

(Tìm số bị trừ chưa biết, ta lấy hiệu cộng với số trừ)

***Ví dụ 4:*** 75 – *x* = 26

GV: Muốn tìm số trừ chưa biết ta phải làm như thế nào?

(Tìm số trừ chưa biết, ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu)

***Ví dụ 5:*** *x* x 3 = 27

GV: Muốn tìm thừa số thứ nhất ta phải làm như thế nào?

(Tìm thừa số thứ nhất, ta lấy tích chia cho thừa số thứ hai)

***Ví dụ 6:*** 2 x *x* = 48

GV: Muốn tìm thừa số thứ hai ta phải làm như thế nào?

(Tìm thừ số thứ hai, ta lấy tích chia cho thừa số thứ nhất)

***Ví dụ 7:*** *x* : 5 = 40

GV: Muốn tìm số bị chia chưa biết ta phải làm như thế nào?

(Tìm số bị chia chưa biết, ta lấy tích nhân với số chia)

Khi các em đã thấy được đâu là số hạng đã biết, đâu là số hạng chưa biết, đâu là tổng, số trừ, số bị trừ, hiệu, đâu là thừa số chưa biết, thừa số đã biết, số bị chia, số chia, thương thì các em thực hiện được nhanh, chính xác.

Trong quá trình giảng dạy, tôi còn rèn cho học sinh cách trình bày khi tìm thành phần trong phép tính:

Hướng dẫn học sinh số hạng cần tìm (số trừ, số bị trừ) đặt thẳng số thứ hai sau dấu cộng hoặc dấu trừ và dấu bằng thẳng với dấu bằng.

***Ví dụ:***

*x* + 15 = 36 *x* x 3 = 5

*x* = 36 – 15 *x* = 5 x 3

*x* = 21 *x* = 15

x - 17 = 39 *x* : 4 = 4

*x* = 39 + 17 *x* = 4 x 4

*x* = 56 *x* = 16

45 - *x* = 36

*x* = 45 – 36

*x*  = 9

Sau khi tìm ra kết quả, tôi hướng dẫn học sinh thử lại bằng cách lấy kết quả vừa tìm được thay vào vị trí x ở đầu bài và thực hiện tính giá trị biểu thức. Nếu kết quả biểu thức bằng kết quả sau dấu bằng thì kết quả đúng.

4.2. Biện pháp 2: Dạy mở rộng các dạng toán xoay quanh tìm thành phần chưa biết của phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia

Trong một lớp học không chỉ có một đối tượng học sinh mà bình thường một lớp có 3 - 4 đối tượng. Vì vậy, với học sinh có năng lực học Toán, tôi mở rộng dạng toán thành các bài toán nâng cao nhằm phát huy tối đa tính tích cực của học sinh.

4.2.1. Dạng bài tìm thành phần chưa biết mà vế trái là tổng, hiệu, tích, thương của một số với 1 số, vế phải là một tổng, hiệu, tích, thương của hai số:

***Ví dụ 1:*** Tìm *x*, biết:

12 + *x* = 50 + 10

12 + *x* = 60 (Tính tổng vế phải trước)

*x* = 60 - 12 (Áp dụng quy tắc: Tìm số hạng)

*x* = 48 (Kết quả)

Với dạng toán này, tôi hướng học sinh nhận biết đâu là số hạng thứ nhất, đâu là số hạng thứ hai. Muốn tìm số hạng chưa biết ta làm thế nào? (Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết)

Thế tổng đã biết chưa? (Chưa biết)

Muốn tìm tổng ta làm thế nào? (Thực hiện tìm tổng ở vế bên phải trước).

***Ví dụ 2:*** Tìm *x*, biết:

32 + *x* = 80 - 12

32 + *x* = 68 (Tính hiệu vế phải trước)

*x* = 68 - 32 (Áp dụng quy tắc: Tìm số hạng)

*x* = 36 (Kết quả)

Với dạng toán này, tôi hướng học sinh nhận biết đâu là số hạng và tổng. Muốn tìm số hạng chưa biết ta làm thế nào? (Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết)

Thế tổng đã biết chưa? (Chưa biết)

Muốn tìm tổng ta làm thế nào? (Thực hiện tìm hiệu ở vế bên phải trước).

***Ví dụ 3:*** Tìm *x*, biết:

45 - *x* = 30 - 18

45 - *x* = 12 (Tính hiệu vế phải trước)

*x* = 45 - 12 (Áp dụng quy tắc: Tìm số trừ)

*x* = 33 (Kết quả)

Với dạng toán này, tôi hướng học sinh nhận biết đâu là số bị trừ, đâu là số trừ. Muốn tìm số trừ ta làm thế nào? (Lấy số bị trừ trừ đi hiệu)

Thế hiệu đã biết chưa? (Chưa biết)

Muốn tìm hiệu ta làm thế nào? (Thực hiện tìm hiệu ở vế bên phải trước). Cứ như vậy tôi hình thành cho học sinh nếu sau dấu bằng mà có phép tính thì ta phải thực hiện tìm kết quả của phép tính sau dấu bằng trước rồi mới tìm thành phần chưa biết trong phép tính.

***Ví dụ 4:***Tìm *x*:

*x* : 2 = 50 : 5

*x* : 2 = 10 (Tìm thương vế phải trước)

*x* = 10 x 2 (Áp dụng quy tắc: Tìm số bị chia)

*x* = 20 (Kết quả)

Với dạng toán này, tôi hướng học sinh nhận biết đâu là số bị chia, đâu là số chia. Muốn tìm số bị chia chưa biết ta làm thế nào? (Lấy thương nhân với số chia)

Thế thương đã biết chưa? (Chưa biết)

Muốn tìm thương ta làm thế nào? (Thực hiện tìm thương ở vế bên phải trước).

***Ví dụ 5:***Tìm *x*

*x* + 7 = 3 x 8

*x* + 7 = 24 (Tính tích vế phải trước)

*x* = 24 - 7 (Áp dụng quy tắc: Tìm số hạng)

*x* = 17 (Kết quả)

Với dạng toán này, tôi hướng học sinh nhận biết đâu là số hạng thứ nhất, đâu là số hạng thứ hai. Muốn tìm số tổng ta làm thế nào? (Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết)

Thế tổng đã biết chưa? (Chưa biết)

Muốn tìm tổng ta làm thế nào? (Thực hiện tìm tích ở vế bên phải trước).

***Ví dụ 6:*** Tìm *x*:

*x* : 2 = 12 + 6

*x* : 2 = 18 (Tính tổng vế phải trước)

*x* = 18 : 2 (Áp dụng quy tắc: Tìm số bị chia)

*x* = 9 (Kết quả)

Với dạng toán này, tôi hướng học sinh nhận biết đâu là số bị chia, đâu là số chia. Muốn tìm số bị chia ta làm thế nào? (Lấy thương nhân với số chia)

Thế thương đã biết chưa? (Chưa biết)

Muốn tìm thương ta làm thế nào? (Thực hiện tìm tổng ở vế bên phải trước).

4.2.2. Các bài tìm *x* mà vế trái là biểu thức có 2 dấu phép tính

***Ví dụ 1:*** Tìm x, biết:

100 - *x* - 20 = 70

100 - *x* = 70 +20 (Ta thấy (100 - *x*) trước dấu trừ, tìm số bị trừ)

100 - *x* = 90 (Tính tổng vế phải trước)

*x* = 100 - 90 (Áp dụng quy tắc: Tìm số trừ)

*x* = 10 (Kết quả)

***Ví dụ 2:*** Tìm x, biết

*x* + 28 + 17 = 82

*x* + 45 = 82 (Ta có thể tìm (28 + 17) trước)

*x* = 82 - 45 (Áp dụng quy tắc: Tìm số hạng)

*x* = 37 (Kết quả)

Cách khác:

*x* + 28 + 17 = 82

*x* + 28 = 82 - 17 (Ta có thể tìm (*x* + 28) trước)

*x* + 28 = 65 (Tính hiệu vế phải trước)

*x* = 65 - 28 (Áp dụng quy tắc: Tìm số hạng)

*x* = 37 (Kết quả)

***Ví dụ 3***: Tìm *x*:

*x*x3 – 5 = 25

*x* x 3 = 25 + 5 (Tính (*x* x 3) trước, tìm số bị trừ)

*x* x 3 = 30 (Tính tổng vế phải trước)

*x*= 30 : 3(Áp dụng quy tắc: Tìm thừa số)

*x*= 10 (Kết quả)

***Ví dụ 4:*** Tìm *x:*

10 x 4 - *x* = 10

40 - *x* = 10 (Tính (10 x 4) trước: Tìm số bị trừ)

*x* = 40 - 10 (Áp dụng quy tắc: Tìm số trừ)

*x* = 30 (Kết quả)

***Ví dụ 5:*** Tìm *x:*

*x* : 10 x 5 = 10

*x*: 10 = 10 : 5 (Tính (*x* :10*)* trước, tìm thừa số)

*x*: 10 = 2 (Tính thương vế phải trước)

*x* = 2 x 10 (Áp dụng quy tắc: Tìm số chia)

*x* = 20 (Kết quả)

Ở các dạng bài này, tôi hướng dẫn học sinh đưa về dạng bài 4.2.2 bằng cách coi biểu thức trừ hay cộng hay nhân hay chia đầu tiên là *x* và xác định được *x* là gì trong phép tính đó rồi áp dụng quy tắc để làm bài. Khi học sinh đã thành thạo tìm *x* ở vế bên phải có tổng hoặc hiệu, tích hoặc thương của hai số thì với bài toán này giáo viên cần khắc sâu cách thực hiện thứ tự tìm *x* là học sinh làm tốt bài.

4.2.3. Bài tìm x mà là biểu thức có dấu ngoặc đơn.

***Ví dụ 1***: Tìm *x*:

100 - (*x* - 5) = 90

*x* - 5 = 100 - 90 (Thực hiện dấu ngoặc đơn trước: Tìm số trừ)

*x* - 5 = 10 (Tính hiệu vế phải)

*x* = 10 + 5 (Áp dụng quy tắc: Tìm số bị trừ)

*x* = 15 (Kết quả)

***Ví dụ 2***: Tìm *x*:

*x + x + x* - (*x + x*) = 29 + 43

*x + x + x* - (*x + x*) = 72 (Tính tổng vế phải trước)

*x* x 3 - *x* x 2 = 72 (Chuyển phép cộng thành phép nhân. Vì phép cộng có các số hạng bằng nhau.)

*x* x 1 = 72 (Tính hiệu vế trái)

*x* = 72 : 1 (Áp dụng quy tắc: Tìm thừa số)

*x* = 72 (Kết quả)

***Ví dụ 3:*** Tìm *x:*

(*x* + 1) + (*x* + 3) + (*x* + 5) = 30

(*x* + *x* + *x*) + (1 + 3 + 5) = 30 (ta nhóm chữ số *x* một vế, các số nhóm lại một vế)

Giảng: (*x* + *x* + *x*) Ta chuyển từ phép cộng thành phép nhân *x* x 3. Vì phép cộng có các số hạng bằng nhau.

(1 + 3 + 5) Tính tổng bằng 9;

Ta có:

*x* x 3 + 9 = 30

*x* x 3 = 30 - 9 (Tính (*x* x 3) trước, tìm số hạng)

*x* x 3 = 21 (Tính hiệu vế phải)

*x* = 21: 3 (Áp dụng quy tắc: Tìm thừa số)

*x* = 7 (Kết quả)

4.2.4. Bài toán tìm *x* có lời văn

***Ví dụ 1:*** Cho một số biết rằng, lấy số đó cộng với 3 thì bằng 10.

Với dạng toán này, tôi hướng dẫn học sinh bằng 2 cách:

Cách 1:

Bước 1: Lập bài toán tìm *x*

Gọi số cần tìm là *x*.

Dựa vào bài toán ta có: *x* + 3 = 10

Bước 2: Trong bài toán

*x* + 3 = 10

*x* = 10 - 3 (Áp dụng quy tắc: Tìm số hạng)

*x* = 7 (Kết quả)

***Ví dụ 2:*** Cho một số biết rằng khi thêm vào số đó 13 đơn vị rồi bớt đi 5 đơn vị thì kết quả bằng 12. Tìm số đó?

Với dạng toán này, tôi hướng dẫn học sinh bằng 2 cách:

Cách 1:

Bước 1: Lập bài toán tìm *x*

Gọi *x* là số cần tìm

Dựa vào bài toán ta có: *x* + 13 - 5 = 12 (đưa về dạng toán mục 4.2.2)

Bước 2: Trong bài toán

*x* + 13 - 5 = 12

*x* + 13 = 12 + 5 (Tính x + 13 trước: Tìm số bị trừ)

*x* + 13 = 17 (Tính tổng vế phải trước)

Bước 3: *x* = 17 - 13 (Áp dụng quy tắc: Tìm số hạng)

*x* = 4 (Kết quả)

Cách 2: Giải phương pháp tính ngược từ cuối lên.

Với cách này, GV phải cho học sinh hiểu và nắm chắc ‘‘thêm có nghĩa là cộng, bớt có nghĩa là trừ”. Nếu làm thì phép trừ chuyển thành phép cộng và ngược lại phép cộng chuyển thành phép trừ. Từ đó hướng dẫn học sinh làm bài:

Vậy số cần tìm là:

12 + 5 - 13 = 4

Đáp số: 4.

***Ví dụ 3:*** Mai nghĩ ra một số, biết rằng lấy 10 cộng với số Mai nghĩ thì được kết quả là hiệu của số lớn nhất có hai chữ số khác nhau và 12. Hỏi số Mai nghĩ là số nào?

Với bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề toán theo quy trình giải toán có lời văn:

Bài toán cho biết gì?

Bài toán hỏi gì?

Hướng dẫn học sinh giải bài toán ngược từ yếu tố bài toán hỏi để tìm ra các dữ kiện khác dựa vào yếu tố đã cho biết.

Cho học sinh nhận biết số lớn nhất có hai chữ số khác nhau.

Tìm số Mai nghĩ bằng cách đặt ẩn số hoặc tính ngược từ cuối lên.

Bài giải

Cách 1: Số lớn nhất có hai chữ số là 98.

Gọi số Mai nghĩ là y, ta có:

10 + y = 98 – 12 (dạng toán mục 4.2.3)

10 + y = 86

y = 86 - 10

y = 76

Vậy số Mai nghĩ là 76.

Cách 2: Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là 98.

Số Mai nghĩ là:

98 - 12 - 10 = 76

Vậy số Mai nghĩ là 76.

***Ví dụ 4:*** Tìm một số biết rằng lấy số đó chia cho 3 rồi nhân cho 4 thì được 20. Hãy tìm số đó?

Cách 1:

Bước 1: Lập bài toán tìm *x*

Gọi *x* là số cần tìm

Dựa vào bài toán ta có: *x* : 3 x 4 = 20

Bước 2: Trong bài toán *x* : 3 x 4 = 20

*x* : 3 = 20 : 4 (Tính (*x* : 3) trước, tìm thừa số)

*x*: 3 = 5 (Tính thương vế phải trước)

Bước 3:*x* = 5 x 3 (Áp dụng quy tắc: Tìm số bị chia)

*x* = 15 (Kết quả)

Bước 4: Thử lại (Thay *x* bằng 15) kiểm tra kết quả đúng – sai

Cách 2: Giải phương pháp tính ngược từ cuối.

Bài giải

Số cần tìm là:

20 : 4 x 3 = 15

Đáp số: 15

\* Tóm lại:

Với dạng Toán tìm thành phần chưa biết (hay tìm *x*) trong phép cộng, phép trừ, nhân, chia yêu cầu học sinh học thuộc quy tắc tìm thành phần chưa biết (số hạng, số bị trừ, số trừ, thừa số, số bị chia)

Giải quyết 1 vế (ở đây là vế phải, hay vế trái tùy theo bài) đưa về dạng cơ bản rồi áp dụng quy tắc.

4.2.5. Vận dụng giải toán có lời văn đối với dạng bài “Tìm thành phần chưa biết của phép tính”

a) Dạng bài “Tìm một số hạng trong một tổng”:

***Ví dụ 1:*** Một lớp có 35 học sinh, trong đó có 20 học sinh trai. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh gái?

Với bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề toán theo quy trình giải toán có lời văn:

Bài toán cho biết gì?

Bài toán hỏi gì?

Hướng dẫn học sinh giải bài toán “Tìm một số hạng trong một tổng”.

Cho học sinh nhận biết tổng là 35 học sinh của lớp, số hạng đã biết là 20 học sinh trai.

Tìm số hạng chưa biết chính là số học sinh gái bằng cách lấy tổng số học sinh của lớp trừ đi số học sinh trai.

Bài giải

Lớp học đó có số học sinh gái là:

35 - 20 = 15 (học sinh)

Đáp số: 15 học sinh gái.

***Ví dụ 2:*** Một trang trại có 50 con gà và vịt, trong đó có 34 con gà. Hỏi trang trại đó có bao nhiêu con vịt?

Với bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề toán theo quy trình giải toán có lời văn:

Bài toán cho biết gì?

Bài toán hỏi gì?

Hướng dẫn học sinh giải bài toán “Tìm một số hạng trong một tổng”.

Cho học sinh nhận biết tổng là 50 con gà và vịt, số hạng đã biết (số hạng thứ nhất) là 34 con gà.

Tìm số hạng chưa biết (số hạng thứ hai) chính là số con vịt bằng cách lấy tổng số con gà và vịt của trang trại trừ đi số con gà.

Bài giải

Trang trại đó có số con vịt là:

50 – 34 = 16 (con vịt)

Đáp số: 16 con vịt.

b) Dạng bài “Tìm số bị trừ chưa biết”:

***Ví dụ 1:*** Mẹ có một số quả trứng, mẹ đã bán 28 quả thì còn lại 13 quả trứng. Hỏi lúc đầu mẹ có bao nhiêu quả trứng?

Với bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề toán theo quy trình giải toán có lời văn:

Bài toán cho biết gì?

Bài toán hỏi gì?

Hướng dẫn học sinh giải bài toán “Tìm số bị trừ”.

Cho học sinh nhận biết số trừ là số quả trứng mẹ đã bán, hiệu là số quả trứng còn lại.

Tìm số bị trừ chưa biết chính là số quả trứng lúc đầu của mẹ có bằng cách lấy số quả trứng còn lại cộng với số quả trứng mẹ đã bán.

Bài giải

Lúc đầu mẹ có số quả trứng là:

13 + 28 = 41 (quả)

Đáp số: 41 quả trứng.

***Ví dụ 2:*** Bác Lan có một số mét vải, bác đã cắt 34 mét thì còn lại 29 mét vải. Hỏi bác Lan có bao nhiêu mét vải?

Với bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề toán theo quy trình giải toán có lời văn:

Bài toán cho biết gì?

Bài toán hỏi gì?

Hướng dẫn học sinh giải bài toán “Tìm số bị trừ”.

Cho học sinh nhận biết số trừ là số mét vải bác Lan đã cắt, hiệu là số mét vải còn lại.

Tìm số bị trừ chưa biết chính là số mét vải ban đầu bác Lan có bằng cách lấy số mét vải còn lại cộng với số mét vải bác Lan đã cắt.

Bài giải

Bác Lan có số mét vải là:

29 + 34 = 65 (m)

Đáp số: 65 m vải.

c) Dạng bài “Tìm số trừ chưa biết”:

***Ví dụ 1:*** Một bến xe có 35 ô tô, sau khi một số ô tô rời bến, trong bến còn lại 10 ô tô. Hỏi có bao nhiêu ô tô đã rời bến?

Với bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề toán theo quy trình giải toán có lời văn:

Bài toán cho biết gì?

Bài toán hỏi gì?

Hướng dẫn học sinh giải bài toán “Tìm số trừ”.

Cho học sinh nhận biết số bị trừ là số ô tô có trong bến xe, hiệu là số ô tô còn lại trong bến xe.

Tìm số trừ chưa biết chính là số ô tô đã rời bến bằng cách lấy số ô tô có trong bến xe trừ đi số ô tô còn lại trong bến xe.

Bài giải

Có số ô tô đã rời bến là:

35 - 10 = 25 (ô tô)

Đáp số: 25 ô tô.

***Ví dụ 2:*** Một vườn cây có 61 quả cam, sau khi đã hái một số quả thì vườn cây còn lại 43 quả cam. Hỏi đã hái bao nhiêu quả cam?

Với bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề toán theo quy trình giải toán có lời văn:

Bài toán cho biết gì?

Bài toán hỏi gì?

Hướng dẫn học sinh giải bài toán “Tìm số trừ”.

Cho học sinh nhận biết số bị trừ là số quả cam có trong vườn cây, hiệu là số quả cam còn lại trong vườn cây.

Tìm số trừ chưa biết chính là số quả cam đã hái cách lấy số quả cam có trong vườn cây trừ đi số quả cam còn lại trong vườn cây.

Bài giải

Đã hái số quả cam là:

61 - 43 = 18 (quả)

Đáp số: 18 quả cam.

d) Dạng bài “Tìm một thừa số của phép nhân”:

***Ví dụ:*** Có 20 học sinh gái, mỗi bàn có 2 học sinh. Hỏi có tất cả bao nhiêu bàn học?

Với bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề toán theo quy trình giải toán có lời văn:

Bài toán cho biết gì?

Bài toán hỏi gì?

Hướng dẫn học sinh giải bài toán “Tìm thừa số chưa biết”.

Cho học sinh nhận biết tích là số học sinh gái, thừa số đã biết là số học sinh của một bàn học.

Tìm thừa số chưa biết chính là số bàn học bằng cách lấy số học sinh gái chia cho số học sinh của một bàn học.

Bài giải

Có tất cả số bàn học là:

20 : 2 = 10 (bàn)

Đáp số:10 bàn học.

e) Dạng bài “Tìm số bị chia chưa biết”:

***Ví dụ:*** Có một số kẹo chia đều cho 3 em, mỗi em được 5 chiếc kẹo. Hỏi có tất cả bao nhiêu chiếc kẹo?

Với bài toán này, tôi yêu cầu học sinh đọc và phân tích đề toán theo quy trình giải toán có lời văn:

Bài toán cho biết gì?

Bài toán hỏi gì?

Hướng dẫn học sinh giải bài toán “Tìm số bị chia chưa biết”.

Cho học sinh nhận biết số chia là số em được chia kẹo, thương là số chiếc kẹo mà mỗi em nhận được.

Tìm số bị chia chưa biết chính là số chiếc kẹo ban đầu có bằng cách lấy số chiếc em của một em nhân với số em được chia kẹo.

Bài giải

Có tất cả số chiếc kẹo là:

5 x 3 = 15 (chiếc)

Đáp số: 15 chiếc kẹo

**5. Kết quả đạt được**

***\* Tính mới***

Bài viết của tôi đã chỉ rõ được những biện pháp cụ thể góp phần nâng cao được chất lượng của bộ môn.

Các biện pháp trên đã giúp học sinh nắm được tên gọi các thành phần trong phép tính cộng, trừ, nhân, chia thuộc được các quy tắc khi tìm các thành phần chưa biết và áp dụng các quy tắc để tính toán cụ thể.

Không chỉ quan tâm đến chất lượng đại trà mà các biện pháp trên còn giúp phát huy tính tích cực của học sinh có năng lực học Toán và đặc biệt đối với học sinh khả năng học tập hạn chế cũng nắm bài tốt. Qua đó hình thành cho các em đam mê Toán học.

***\* Hiệu quả:***

Đầu năm học 20120 - 2021 tôi áp dụng cách trên và thu được hiệu quả trên lớp của tôi chủ nhiệm. Kết quả khảo sát chất lượng:

***Khi áp dụng biện pháp nâng cao chất lượng môn Toán dạng “Tìm thành phần chưa biết trong phép tính”***

***Đề khảo sát: (30 phút)***

Câu 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) ….. + ***5***  = 13 | b) ***28***  - ….. = 16 | c)***62 - …..*** = 18 |

Câu 2: Tìm *x,* biết:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) 30 - ***x*** = 3 | b) ***x*** + 7 = 14 | c) ***x*** - 15 = 19 |

Câu 3: Tìm b*,* biết:

|  |  |
| --- | --- |
| a) b - 10 = 20 + 7 | b) 12 + b = 42 : 6 |

Câu 4: Tìm *y,* biết:

|  |  |
| --- | --- |
| a) (y - 10) x 2 = 20 | b) 12 + (y : 5) = 20 |

Câu 5: Có một số bánh chia đều cho 5 em, mỗi em được 5 chiếc bánh. Hỏi có tất cả bao nhiêu chiếc bánh?

Câu 6: Hà nghĩ ra một số, nếu lấy số đó cộng với 12 rồi trừ đi 28 thì được số nhỏ nhất có hai chữ số. Hỏi số Hà nghĩ là số nào?

Sau khi dạy áp dụng biện pháp từ đầu năm học 2020 - 2021 đến hết học kì I cho học sinh lớp tôi, tôi đã sử dụng phương pháp khảo sát, đối chứng và kết quả với lớp của tôi như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Tổng  số | Giỏi | | Khá | | Trung bình | | Yếu | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 2E (Cuối học  kì I) | 30 | 19 | 63,3 | 8 | 26,7 | 3 | 10 | 0 | 0 |
| 2E (Đầu năm) | 30 | 9 | 30 | 11 | 36,7 | 8 | 26,6 | 2 | 6,7 |

Học sinh đã thực hiện: đúng chính xác, rõ ràng, biết áp dụng quy tắc tính toán, trình bày bài tốt. Học sinh năng khiếu nắm được một số bài toán tìm thành phần chưa biết dạng mở rộng, nâng cao và bản thân tôi thấy được khá giỏi chiếm cao hơn so đầu năm và điều đó đem lại kết quả tốt hơn. Các bài tập dạng tìm ***x*** không còn học sinh chưa đạt nữa. Học sinh lớp tôi không sợ học toán dạng tìm thành phần chưa biết của phép tính cộng, trừ.

Và từ đầu năm học 2020 - 2021, tôi tiếp tục áp dụng biện pháp đó vào dạy học. Tôi thấy học sinh tiến bộ rõ rệt: không còn học sinh không đạt; học sinh đạt điểm 5, 6 giảm đi nhiều; học sinh đạt điểm 7, 8 và 9, 10 tăng vượt trội so với đầu năm. Học sinh nắm chắc kiến thức, ham thích học Toán. Đã khắc phục rất lớn học sinh khả năng học Toán chậm. Đây cũng là kết quả thành công ban đầu của tôi.

**6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng:**

6.1. Khả năng áp dụng sáng kiến:

- Sáng kiến có thể áp dụng các hầu hết các tiết học tìm thành phần chưa biết ở môn Toán Tiểu học.

- Áp dụng cho mọi đối tượng học sinh.

6.2. Đề xuất, kiến nghị:

**\* Đề xuất hướng phát triển của sáng kiến:**

Sau khi đã tìm hiểu về thực trạng trên và đã dùng một số biện pháp áp dụng vào thực tế đối với học sinh lớp 2E, bước đầu cũng đem lại được nhiều kết quả khả quan. Cụ thể như sau:

+ Cải thiện được phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Trong quá trình dạy học đã có động cơ thích thú khi học Toán, các em đã tự mình tìm tòi, học hỏi, đã có thái độ học tập chăm chỉ. Với quá trình như thế các em cũng tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập, khả năng tư duy cũng tăng dần ở các bài tập áp dụng.

+ Học sinh đã hiểu bài một cách chắc chắn ngay tại lớp, nắm được bài một cách nhanh nhẹn cơ bản, có kĩ năng tính toán chính xác, các kiến thức được học luôn ghi nhớ bền lâu.

Muốn thực hiện tốt các biện pháp trên, người giáo viên phải nắm chắc toàn bộ trình độ tiếp thu lớp mình phụ trách phải dạy như thế nào và vận dụng kiến thức cũ để luyện tập thực hành - Luyện tập rèn luyện có nâng cao. Ngoài ra, giáo viên hình thành hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích cho học sinh tư duy, tạo điều kiện cho học sinh bồi dưỡng năng lực học Toán đạt kết quả cao. Người giáo viên phải luôn quan tâm đến việc thực hiện đúng hệ thống thao tác rèn kĩ năng khi giải các bài dạng trên. Mức độ đầu tư là làm thế nào để cho học sinh có ý thức kiên nhẫn, cẩn thận trong làm Toán đòi hỏi giải pháp của giáo viên phù hợp. Đối với bước đầu củng cố về Tìm thành phần chưa biết của phép tính cộng, trừ lớp 2 giáo viên nên quan tâm đến việc bồi dưỡng hoặc tìm hiểu thêm về trình độ các em và vận dụng tốt các kiến thức, kĩ năng khi giải bài dạng này phải tin tưởng một cách tuyệt đối.

Luôn nắm vững nội dung SGK, những yêu cầu cơ bản về các bước dạy, nội dung giảng dạy. Khi dạy các bài có sự đầu tư thích đáng để dạy dạng Toán này học sinh thấy nhẹ nhàng hơn, hiệu quả hơn.

Thường xuyên trau dồi phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ.

Khai thác tốt các yêu cầu SGK và đối tượng học sinh trong việc sử dụng các phương pháp sư phạm.

Mạnh dạn thực hiện các giải pháp cải tiến cần thiết cho việc dạy - học.

Quan tâm đến vấn đề soạn bài trước khi lên lớp, mức đầu tư thể hiện rõ ràng đối với các bài tìm thành phần chưa biết trong hai phép tính.

Thường xuyên vận động, khích lệ tinh thần học tập cho các em nhiều hình thức, có các câu hỏi gợi mở dẫn dắt đi vào các bài tập học sinh còn lúng túng.

Đánh giá HS phải thể hiện được các giải pháp khắc phục như kèm thêm. Quan tâm đến việc sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học, trong việc củng cố các kiến thức cho học sinh.

Ngoài ra phải biết kết hợp với đồng nghiệp và phụ huynh học sinh nhiều trong mục tiêu dạy và học môn Toán.

**\* Kiến nghị với Nhà trường:**

- Đầu tư cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu dạy - học.

- Phân công chuyên môn hợp lí để giáo viên có thời gian nghiên cứu bài dạy chu đáo hơn.

- Tổ chức các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng dạy - học bộ môn Toán.

Trên đây là “***Biện pháp dạy tìm thành phần chưa biết của phép tính”*** môn Toán lớp 2. Trong khi nghiên cứu và áp dụng không tránh khỏi những thiếu sót mà bản thân tôi chưa nhìn ra được. Rất mong nhận được đóng góp của các đồng chí, đồng nghiệp của Hội đồng khoa học các cấp để sáng kiến của tôi đưa ra được toàn diện và được áp dụng rộng rãi hơn.

***Tôi xin chân thành cảm ơn!***